

BÁO CÁO

Kiểm tra quy trình tuyển sinh, đào tạo trình độ sau đại học tại Trường Đại học Vinh

Thực hiện các Quyết định số 1750/QĐ-ĐHV ngày 19/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc thành lập Đoàn kiểm tra, rà soát quy trình tuyển sinh đào tạo trình độ sau đại học năm 2022 tại Trường Đại học Vinh, Quyết định số 2122/QĐ-ĐHV ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc thành lập Tổ kiểm tra hồ sơ tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2022. Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra, rà soát từ ngày 20/7/2022 đến ngày 31/8/2022, Đoàn kiểm tra xin báo cáo Hiệu trưởng Nhà trường kết quả kiểm tra như sau:

I. Đặc điểm tình hình

Năm 2022, Bộ trưởng Bộ GDĐT đã ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ kèm theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021. Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021. Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

Trường Đại học Vinh đã ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Vinh kèm theo Quyết định số 2596/QĐ-ĐHV ngày 02/11/2021, Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 02/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh.

II. Kết quả kiểm tra, rà soát

2.1. Việc ban hành các văn bản về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

Để chuẩn bị cho việc tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2022. Nhà trường đã ban hành các văn bản sau đây:

- Ngày 02/11/2021, Nhà trường đã ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 2592/QĐ-ĐHV của Hiệu trưởng;

- Ngày 28/3/2022, Nhà trường đã ra Thông báo số 51 về tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2022 (Thông báo 51), tổ chức tuyển sinh 36 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

Thông báo 51 của Nhà trường ban hành cơ bản đáp ứng quy định tại Thông tư 23. Tuy nhiên Thông báo tuyển sinh còn một số tồn tại như sau:

- Thông báo tuyển sinh chưa nêu chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng chuyên ngành đào tạo.

- Thông báo tuyển sinh nêu tiêu chí và quy đổi điểm xét tuyển chỉ căn cứ vào điểm tích lũy điểm trung bình trong phụ lục văn bằng của Bằng tốt nghiệp đại học, không căn cứ vào loại hình đào tạo hoặc có thêm một bài luận hoặc hình thức tương tự để đảm bảo đánh giá đúng năng lực của thí sinh cũng như đảm bảo tính chính xác, khách quan, công bằng trong xét tuyển. Nhà trường chưa ban hành quy định quy trình xét tuyển cũng như các tiêu chí để tổ chức xét tuyển đảm bảo các điều kiện trên¹.

- Nhà trường cũng đã ban hành Danh mục ngành phù hợp và Danh mục các học phần bổ túc kiến thức đối với các ngành khác với ngành phù hợp trong tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của 36 chuyên ngành. Tuy nhiên một số chuyên ngành xác định danh mục ngành phù hợp chưa hợp lý² theo TT23/2021/TT-BGDĐT (*Khoản 2, Điều 5*:

2. Ngành phù hợp được nêu tại khoản 1 Điều này và tại các điều khác của Quy chế này là ngành đào tạo ở trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trang bị cho người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ của ngành tương ứng, được quy định cụ thể trong chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ)

- Nhà trường đã ban hành hướng dẫn đăng ký dự tuyển tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2022 theo hình thức online.

2.2. Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo, hướng dẫn luận văn thạc sĩ

Theo Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo theo từng ngành đào tạo do phòng Đào tạo sau đại học cung cấp, hiện tại có 313 lượt cán bộ tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ. Qua kiểm tra rà soát, Đoàn kiểm tra nhận thấy một số giảng viên đứng tên trong hai hoặc 3 chuyên ngành đào tạo, điều này không phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 5 Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT: “... mỗi giảng viên của cơ sở đào tạo được xếp vào một ngành đào tạo tham gia giảng dạy chính ở trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ để xác định chỉ tiêu tuyển sinh”. Cụ thể:

- Có 19 giảng viên có tên trong 2 chuyên ngành đào tạo (chi tiết ở phụ lục đính kèm);

- Có 2 giảng viên có tên trong 3 chuyên ngành đào tạo (chi tiết ở phụ lục đính kèm);

Trong số các giảng viên có tên trong 2 hay 3 chuyên ngành đào tạo trong danh sách, có những giảng viên không thuộc nhóm ngành hay lĩnh vực đào tạo phù hợp với trình độ chuyên môn của giảng viên. Cụ thể:

- 12 giảng viên trong danh sách chuyên ngành chính trị học (thuộc nhóm ngành

¹ Theo quy định tại khoản 5, Điều 6, Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT quy định Quy chế của cơ sở đào tạo quy định phương thức tuyển sinh, quy trình tổ chức thi tuyển, xét tuyển, hoặc kết hợp giữ thi tuyển và xét tuyển, bảo đảm đánh giá minh bạch, công bằng, khách quan và trung thực về kiến thức và năng lực của người dự tuyển.

²- Ngành Kỹ thuật xây dựng xác định Danh mục ngành phù hợp phải học bổ túc kiến thức 5 môn là: Tất cả ngành còn lại trong danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học được ban hành kèm theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Ngành LL&PPDH sinh học: Tốt nghiệp ĐH ngành Sinh học, không có chứng chỉ NVSP nhưng không thuộc ngành phù hợp phải học bổ túc kiến thức.

khoa học chính trị, lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi) nhưng cũng có tên trong danh sách giảng viên thuộc chuyên ngành LL&PPDH bộ môn Chính trị (thuộc nhóm ngành Khoa học giáo dục, thuộc lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên)³;

- 01 giảng viên có tên trong Danh sách 2 chuyên ngành đào tạo: chuyên ngành Chính trị học (thuộc nhóm ngành khoa học chính trị) nhưng cũng có tên trong danh sách chuyên ngành Lịch sử thế giới (thuộc nhóm ngành khác, lĩnh vực Nhân văn)

- 01 giảng viên có tên trong Danh sách 3 chuyên ngành đào tạo: chuyên ngành Chính trị học (thuộc nhóm ngành khoa học chính trị) nhưng cũng có tên trong danh sách chuyên ngành Kinh tế chính trị (thuộc nhóm ngành Kinh tế học) và chuyên ngành LL&PPDH bộ môn chính trị (thuộc nhóm ngành Khoa học giáo dục, thuộc lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên);

- 01 giảng viên có tên trong Danh sách 3 chuyên ngành đào tạo: chuyên ngành GDH (mầm non), chuyên ngành GDH (tiểu học) (thuộc nhóm ngành Khoa học giáo dục, thuộc lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên) và chuyên Sinh học thực nghiệm (thuộc nhóm ngành Sinh học, lĩnh vực Khoa học sự sống).

- 02 giảng viên có tên trong Danh sách 2 chuyên ngành đào tạo: chuyên ngành LL&PPDH Hóa học và chuyên ngành Giáo dục học (Tiểu học).

- 02 giảng viên có tên trong Danh sách 2 chuyên ngành đào tạo: chuyên ngành Địa lý học (thuộc nhóm ngành Địa lý học, lĩnh vực khoa học xã hội và hành vi) và chuyên ngành Giáo dục học (Tiểu học) (thuộc nhóm ngành Khoa học giáo dục, thuộc lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên).

- 01 giảng viên có tên trong Danh sách 2 chuyên ngành đào tạo: chuyên ngành GDH Mầm non, chuyên ngành GDH Tiểu học (thuộc nhóm ngành Khoa học giáo dục, thuộc lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên).

Nhiều giảng viên trong danh sách của các chuyên ngành có trình độ chuyên môn (bằng tiến sĩ) chưa phù hợp để tham gia hướng dẫn luận văn thạc sĩ (phụ lục đính kèm).

2.3. Việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh

Căn cứ Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục Việt Nam; Khoản 4, Điều 8, Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT người hướng dẫn luận văn phải có trình độ tiến sĩ chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo và đề tài luận văn của học viên, cần xác định cụ thể Danh mục ngành (chuyên môn) phù hợp để có căn cứ xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo Thông tư 23.

c) Căn cứ xác định chỉ tiêu tuyển sinh

- Căn cứ khoản 3, Điều 8 Thông tư 23: *“Mỗi học viên có một hoặc hai người hướng dẫn luận văn, trong đó phải có một người là giảng viên cơ hữu của cơ sở đào tạo. Tại một thời điểm, một người hướng dẫn độc lập không quá 05 học viên (tính cả số học viên thực hiện học phần tốt nghiệp của chương trình định hướng ứng dụng); trường hợp đồng hướng dẫn 02 học viên được tính tương đương hướng dẫn độc lập 01 học viên”*.

³ Theo Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

Theo Danh sách giảng viên phòng Đào tạo sau đại học và các chuyên ngành cung cấp, hiện tại có 291 cán bộ trong danh sách giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo sau đại học tại 37 chuyên ngành được tính định suất để xác định chỉ tiêu tuyển sinh.

Căn cứ khoản 3, Điều 5 Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT Quy định việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ⁴. Dựa trên số lượng giảng viên cơ hữu do các chuyên ngành cung cấp, số lượng chỉ tiêu tuyển sinh dựa trên số giảng viên cơ hữu và số giảng viên thỉnh giảng tối đa được phép để xác định chỉ tiêu tuyển sinh (10% giảng viên toàn thời gian) là 291 giảng viên cơ hữu + 29 giảng viên thỉnh giảng. Tổng số chỉ tiêu được xác định đối với giảng viên cơ hữu là: $291 \times 5 = 1455$. Cụ thể ở bảng sau:

TT	Tên ngành	Số GV cơ hữu ⁵	Định mức TS/số GV cơ hữu	Định mức TS/số GV thỉnh giảng ⁶	Tổng số chỉ tiêu	Số lượng hồ sơ đăng ký	Số lượng vượt so với chỉ tiêu
1.	Công nghệ thông tin	7	35	1.05	36.05	19	-17.05
2.	Đại số và lí thuyết số	6	30	0.90	30.90	8	-22.90
3.	Toán giải tích	5	25	0.75	25.75	6	-19.75
4.	Hình học và topo	3	15	0.45	15.45	0	-15.45
5.	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	8	40	1.20	41.20	12	-29.20
6.	Quang học	14	70	2.10	72.10	18	-54.10
7.	Địa lý học	9	45	1.35	46.35	10	-36.35
8.	Động vật học	4	20	0.60	20.60	2	-18.60
9.	Thực vật học	7	35	1.05	36.05	2	-34.05
10.	Sinh học thực nghiệm	6	30	0.90	30.90	0	-30.90
11.	Khoa học cây trồng	9	45	1.35	46.35	11	-35.35
12.	Nuôi trồng thủy sản	8	40	1.20	41.20	0	-41.20
13.	Hoá hữu cơ	5	25	0.75	25.75	2	-23.75
14.	Hoá phân tích	5	25	0.75	25.75	8	-17.75
15.	Hoá vô cơ	5	25	0.75	25.75	6	-19.75
16.	Kinh tế chính trị	8	40	1.20	41.20	47	5.80
17.	Quản lý kinh tế	25	125	3.75	128.75	155	26.25
18.	Quản trị kinh doanh	8	40	1.20	41.20	75	33.80
19.	Kỹ thuật xây dựng	11	55	1.65	56.65	20	-36.65
20.	Văn học Việt Nam	5	25	0.75	25.75	10	-15.75
21.	Lý luận văn học	4	20	0.60	20.60	2	-18.60

⁴ a) Tổng số giảng viên theo ngành đào tạo để xác định chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở đào tạo, bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng của cơ sở đào tạo có trình độ/chức danh đáp ứng yêu cầu của giảng viên giảng dạy chương trình thạc sĩ, tiến sĩ và phù hợp về chuyên môn tương ứng của ngành đào tạo đó;

b) Số lượng giảng viên thỉnh giảng để xác định chỉ tiêu tuyển sinh được tính tối đa bằng 10% tổng số giảng viên toàn thời gian của cơ sở đào tạo xác định theo ngành đào tạo. Riêng các ngành đào tạo đặc thù thuộc lĩnh vực Nghệ thuật, số lượng giảng viên thỉnh giảng để xác định chỉ tiêu tuyển sinh được tính tối đa bằng 40% tổng số giảng viên toàn thời gian của cơ sở đào tạo xác định theo ngành đào tạo; các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên, giảng viên thỉnh giảng không được tính để xác định chỉ tiêu tuyển sinh.

⁵ Danh sách do phòng ĐT SĐH và các chuyên ngành cung cấp.

⁶ Số chỉ tiêu đối với GV thỉnh giảng = Số GV toàn thời gian x 10% x 1,5

TT	Tên ngành	Số GV cơ hữu ⁵	Định mức TS/số GV cơ hữu	Định mức TS/số GV thỉnh giảng ⁶	Tổng số chỉ tiêu	Số lượng hồ sơ đăng ký	Số lượng vượt so với chỉ tiêu
22.	Ngôn ngữ Việt Nam	5	25	0.75	25.75	3	-22.75
23.	Lịch sử thế giới	9	45	1.35	46.35	9	-37.35
24.	Lịch sử Việt Nam	7	35	1.05	36.05	6	-30.05
25.	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	20	100	3.00	103.00	90	-13.00
26.	Chính trị học	15	75	1.80	76.80	80	3.20
27.	Quản lý giáo dục	17	75	2.55	77.55	77	-0.55
28.	Giáo dục học (Mầm non)	4	20	0.00	20.00	9	-11.00
29.	Giáo dục học (Tiểu học)	9	45	0.00	45.00	141	96.00
30.	Giáo dục học (GDTC)	6	30	0.00	30.00	7	-23.00
31.	Lý luận và PPDH bộ môn GD chính trị	0	0	0.00	0.00	10	10.00
32.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn	3	15	0.00	15.00	18	3.00
33.	Lý luận và PPDH bộ môn Sinh học	4	20	0.00	20.00	17	-3.00
34.	Lý luận và PPDH bộ môn Tiếng Anh	9	45	0.00	45.00	50	5.00
35.	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	10	50	0.00	50.00	49	-1.00
36.	Lý luận và PPDH bộ môn Vật lý	5	25	0.00	25.00	18	-7.00
37.	Lý luận và PPDH bộ môn Hoá học	6	30	0.00	30.00	21	-9.00
	Tổng	291	1445	34.80	1479.80	1018	-461.80

2.4. Kiểm tra Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Đến hết ngày 15/5/2022 tổng số hồ sơ đã kiểm tra là 1018 hồ sơ, số chuyên ngành có thí sinh đăng dự thi là 34.

Căn cứ vào các yêu cầu về đối tượng, điều kiện dự tuyển theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT và Thông báo 51 ngày 28/3/2022 của Trường Đại học Vinh, Tổ kiểm tra đã tiến hành kiểm tra, rà soát hồ sơ tuyển sinh. Kết quả kiểm tra như sau:

- Có 377 hồ sơ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về hồ sơ, đối tượng, điều kiện dự tuyển theo quy định tại TB51 và TT 23/2021.

- Có 641 hồ sơ chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại các TB51 và TT 23/2021. Số lượng cụ thể như sau:

2.4.1. Hồ sơ chưa công chứng

TT	Chuyên ngành	Số lượng	Ghi chú
1	Chính trị học	03	
2	Công nghệ Thông tin	01	

3	Lý thuyết xác suất thống kê toán học	01	
4	Lý luận & PPDH bộ môn Vật lý	01	
5	Lý luận & PPDH bộ môn ngữ văn	01	
6	Toán giải tích	01	
7	Quản lý giáo dục	04	
8	LL&PPDH bộ môn Toán	01	
9	Giáo dục học (GDTH)	01	
10	Lý luận & PP DH BM Tiếng Anh	01	
11	Lý luận & Lịch sử NN&PL	01	
	Tổng cộng	16	

2.4.2. Hồ sơ không thuộc đối tượng tuyển sinh

TT	Chuyên ngành	Số lượng	Ghi chú
1	Đại số và Lý thuyết số	01	- Thí sinh trong Danh sách đăng ký trên hệ thống là Hồ Thị Thúy, nhưng minh chứng là của Nguyễn Thị Thu Hòa, tốt nghiệp ĐH ngành SP KT Nông Lâm, ĐHSP Huế
2	Lý luận & Lịch sử NN&PL	02	- Thí sinh Nguyễn Thị Thủy: TN ĐH ngành Kế toán - Thí sinh Lê Lan Chi: TN ĐH: Ngành Xã hội học, Kinh tế chính trị.
	Tổng cộng	03	

2.4.3. Hồ sơ thiếu bằng Đại học

TT	Chuyên ngành	Số lượng	Ghi chú
1	Quản lý giáo dục	01	
2	Giáo dục học (GDTH)	04	
3	Hoá phân tích	02	
4	Quản lý kinh tế	01	
5	Chính trị học	04	
6	Quản trị kinh doanh	01	
7	Lý luận & PP DH BM Tiếng Anh	06	
8	Lý luận & Lịch sử NN&PL	13	
9	Kinh tế chính trị	08	
	Tổng:	40	

2.4.4. Hồ sơ thiếu bằng điểm toàn khoá

TT	Chuyên ngành	Số lượng	Ghi chú
1	Quản lý giáo dục	08	
2	LL&PPDH bộ môn Toán	02	
3	Giáo dục học (GDTH)	09	
4	Quang học	01	

5	Lý luận & PPDH bộ môn ngữ văn	02	
6	Quản lý kinh tế	06	
7	Giáo dục mầm non	03	
8	Lý luận & PP DH BM Tiếng Anh	06	
9	Lý luận & Lịch sử NN&PL	13	
10	Kinh tế chính trị	08	
11	QLKT	05	
12	Toán giải tích	02	
13	PP Sinh	05	
14	PP Hóa	02	
15	KTXD	02	
16	Văn học Việt Nam	01	
17	Thực vật học	01	
18	Lịch sử Thế giới	01	
19	Chính trị học	11	
20	Công nghệ Thông tin	01	
21	Đại số và Lý thuyết số	03	
22	Động vật học	01	
23	Quản trị kinh doanh	04	
	Tổng	97	

2.4.5. Hồ sơ thiếu sơ yếu lí lịch hoặc có nhưng chưa có xác nhận địa phương, cơ quan quản lý:

TT	Chuyên ngành	Số lượng	Ghi chú
1	Thực vật học	01	
2	Lịch sử Thế giới	01	
3	Chính trị học	14	
4	Công nghệ Thông tin	05	
5	Đại số và Lý thuyết số	01	
6	Động vật học	01	
7	Quản trị kinh doanh	07	
8	QLKT	12	
9	Toán giải tích	01	
10	PP Sinh	06	
11	PP Hóa	11	
12	KTXD	04	
13	Văn học Việt Nam	04	

14	Quản lý giáo dục	15	
15	LL&PPDH bộ môn Toán	15	
16	Giáo dục học (GDTH)	47	
17	Hoá hữu cơ	02	
18	Hoá phân tích	03	
19	Giáo dục thể chất	04	
20	Giáo dục mầm non	03	
21	Lý luận &PP DH BM Tiếng Anh	14	
22	Lý luận & Lịch sử NN&PL	17	
23	Kinh tế chính trị	17	
24	LL và PP dạy học BM GDCT	05	
25	Quản trị Kinh Doanh	05	
26	Khoa học Cây trồng	01	
	Tổng cộng	216	

2.4.6. Hồ sơ thiếu giấy khám sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe không còn giá trị (quá thời gian quy định):

TT	Chuyên ngành	Số lượng	Ghi chú
1	Lịch sử Thế giới	01	
2	LL Văn học	01	
3	Chính trị học	17	
4	Công nghệ Thông tin	05	
5	Đại số và Lý thuyết số	03	
6	Động vật học	01	
7	Quản trị kinh doanh	11	
8	QLKT	16	
9	PP Sinh	07	
10	PP Hóa	06	
11	KTXD	01	
12	VHVN	04	
13	Quản lí giáo dục	10	
14	LL&PPDH bộ môn Toán	10	
15	Giáo dục học (GDTH)	37	
16	Hoá phân tích	03	
17	Giáo dục thể chất	05	
18	Giáo dục mầm non	06	
19	Lý luận &PP DH BM Tiếng Anh	12	

20	Lý luận & Lịch sử NN&PL	13	
21	Kinh tế chính trị	21	
22	LL và PP dạy học BM GDCT	04	
23	Hóa vô cơ	02	
24	Khoa học Cây trồng	05	
25	Quản trị Kinh doanh	05	
	Tổng	206	

2.4.7. Hồ sơ thiếu ảnh

TT	Chuyên ngành	Số lượng	Ghi chú
1	Lý luận & PP DH BM Tiếng Anh	03	
2	Lý luận & Lịch sử NN&PL	01	
3	Kinh tế chính trị	09	
4	LL và PP dạy học BM GDCT	01	
5	Khoa học Cây trồng	05	
6	Quản trị Kinh doanh	04	
	Tổng	23	

2.4.8. Hồ sơ thiếu Quyết định bổ nhiệm hoặc quy hoạch (thuộc ngành QLGD):

TT	Chuyên ngành	Số lượng	Ghi chú
1	Quản lý giáo dục	18	
	Tổng	18	

2.4.9. Hồ sơ thiếu Chứng chỉ NVSP (thuộc ngành LL&PP Dạy học...):

TT	Chuyên ngành	Số lượng	Ghi chú
1	Lý luận & PP DH BM Tiếng Anh	07	Thiếu CC bồi dưỡng NVSP
	Tổng cộng	07	

2.4.10. Hồ sơ thiếu chứng chỉ ngoại ngữ (hoặc chứng nhận của trường ĐH Vinh) hoặc chứng chỉ ngoại ngữ hết hạn, chứng chỉ do đơn vị không đủ điều kiện cấp

TT	Chuyên ngành	Số lượng	Ghi chú
1	Chính trị học	11	
2	Công nghệ Thông tin	01	
3	Đại số và Lý thuyết số	02	
4	Quản trị kinh doanh	04	

5	Lý thuyết xác suất thống kê toán học	03	
6	Lý luận & PPDH bộ môn Vật lý	01	
7	Quang học	05	
8	Lý luận & PPDH bộ môn ngữ văn	04	
9	Quản lý kinh tế	05	
10	QLKT	07	
11	Toán giải tích	01	
12	PP Sinh	01	
13	PP Hóa	02	
14	KTXD	04	
15	VHVN	01	
16	Quản lý giáo dục	11	
17	Giáo dục học (GDTH)	22	
18	Hoá hữu cơ	02	
19	Hoá phân tích	01	
20	Giáo dục thể chất	01	
21	Giáo dục mầm non	03	
22	Lý luận &PP DH BM Tiếng Anh	06	
23	Lý luận & Lịch sử NN&PL	24	
24	Kinh tế chính trị	09	
25	Hóa vô cơ	02	
26	Quản trị Kinh doanh	01	
	Tổng	137	

2.4.11. Hồ sơ chưa hoàn thành bổ túc kiến thức

TT	Chuyên ngành	Số lượng	Ghi chú
1	Chính trị học	20	
2	Công nghệ Thông tin	07	
3	Động vật học	01	
4	Quản trị kinh doanh	9	
5	Quản lý kinh tế	03	
6	QLKT	04	
7	Quản lý giáo dục	2	
8	Giáo dục học (GDTH)	3	
9	Lý luận & Lịch sử NN&PL	01	
10	Kinh tế chính trị	04	
	Tổng cộng	54	

III. Kết luận và kiến nghị

3.1. Kết luận

Ưu điểm

- Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về quản lý, tổ chức tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định của Thông tư số 23/2021.
- Nhà trường đã ban hành Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2022 và tổ chức đăng ký dự tuyển tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2022 theo hình thức online.
- Phòng Đào tạo SĐH, các đơn vị đào tạo cấp 2 đã nỗ lực trong công tác quảng bá tuyển sinh, xây dựng, tổ chức đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng.
- Có 377/1018 hồ sơ của các thí sinh đủ các điều kiện xét tuyển theo quy định. Đề nghị Nhà trường cho phép các thí sinh được tham gia xét tuyển kỳ thi tuyển sinh Sau đại học đợt 1 năm 2022.

Hạn chế, tồn tại

- Thông báo tuyển sinh chưa nêu chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng chuyên ngành đào tạo.
- Thông báo tuyển sinh nêu tiêu chí và quy đổi điểm xét tuyển chỉ căn cứ vào điểm tích lũy điểm trung bình trong phụ lục văn bằng của Bằng tốt nghiệp đại học, không căn cứ vào loại hình đào tạo hoặc có thêm một bài luận hoặc hình thức tương tự để đảm bảo đánh giá đúng năng lực của thí sinh cũng như đảm bảo tính chính xác, khách quan, công bằng trong xét tuyển. Nhà trường chưa ban hành quy định quy trình xét tuyển cũng như các tiêu chí để tổ chức xét tuyển.
- Việc xác định chỉ tiêu chưa chính xác theo quy định tại Thông tư số 03/2022.
- Có 641 hồ sơ của các thí sinh còn thiếu, chưa hoàn thiện hồ sơ theo quy định, chưa đủ điều kiện xét tuyển.

3.2. Kiến nghị

Về công tác chuẩn bị các điều kiện tuyển sinh

- Phòng Đào tạo SĐH phối hợp với các chuyên ngành đào tạo rà soát, xác định lại chính xác đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo, hướng dẫn luận văn theo đúng với chuyên môn được đào tạo để trên cơ sở đó xác định chính xác chỉ tiêu tuyển sinh trong từng năm.
- Phòng Đào tạo SĐH học phối hợp với các chuyên ngành rà soát lại Danh mục ngành phù hợp trong đào tạo Sau đại học; xây dựng quy trình, tiêu chí xét tuyển để tổ chức xét tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đảm bảo chính xác, khách quan, công bằng đúng với các quy định hiện hành.

Về hồ sơ tuyển sinh

- Phòng Đào tạo SĐH, các chuyên ngành yêu cầu thí sinh hoàn thiện hồ sơ tuyển sinh theo quy định.

Trên đây là Báo cáo kết quả kiểm tra quy trình tuyển sinh, đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2022 tại Trường Đại học Vinh, Đoàn kiểm tra xin báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Phòng ĐTSĐH (để t/h);
- Các đơn vị đào tạo SDH;
- Lưu: TTrPC.

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA

Nguyễn Văn Phú